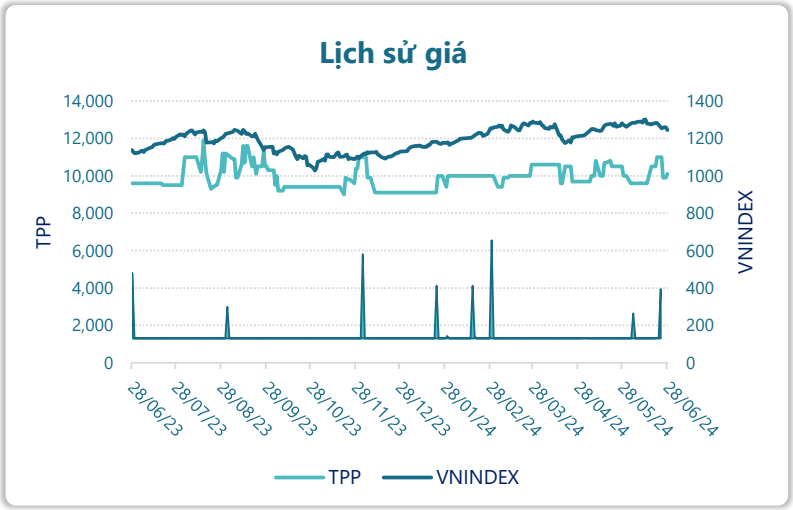
FireAnt

CTCP Tân Phú Việt Nam (HNX: TPP)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,000
SL cổ phiếu LH	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	137,003
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	455
P/E	15.9
EPS	636

DT thuần

Q2/24

822

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 126| 18.1%

YoY: ▲ 175| 27.0%

LN sau thuế

Q2/24

8.86

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.55| 168%

YoY: ▲ 7.31| 472%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

3.6%

+/- YoY: ▼ 1.6%

DT thuần

6T 2024

1,518

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 368| 31.9%

LN sau thuế

6T 2024

12.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.67| 245%

ROE

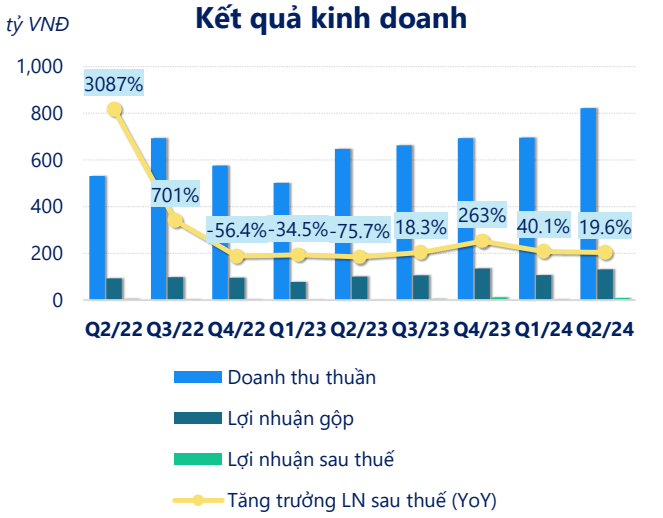
Q2/24

5.6%

+/- YoY: ▲ 3.2%

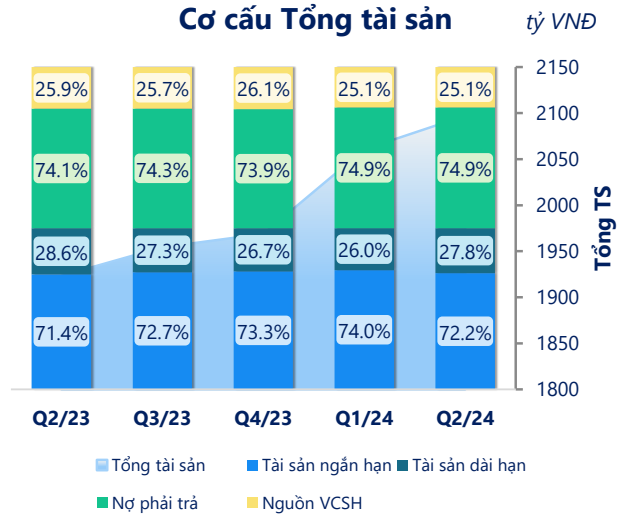
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



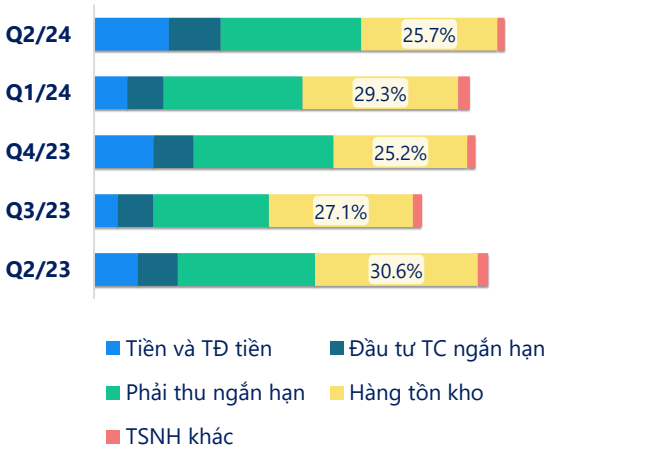
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



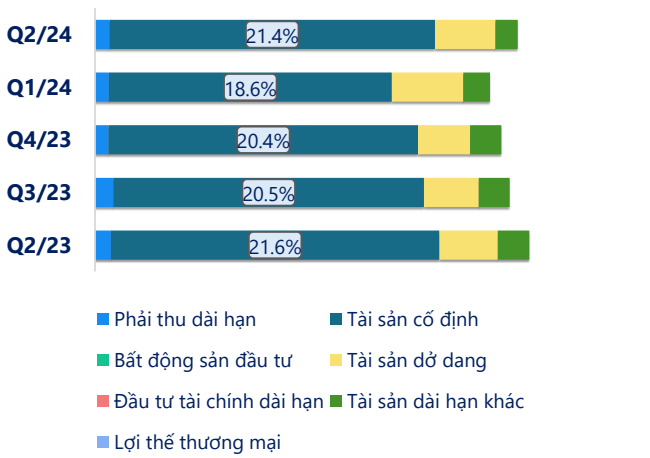
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



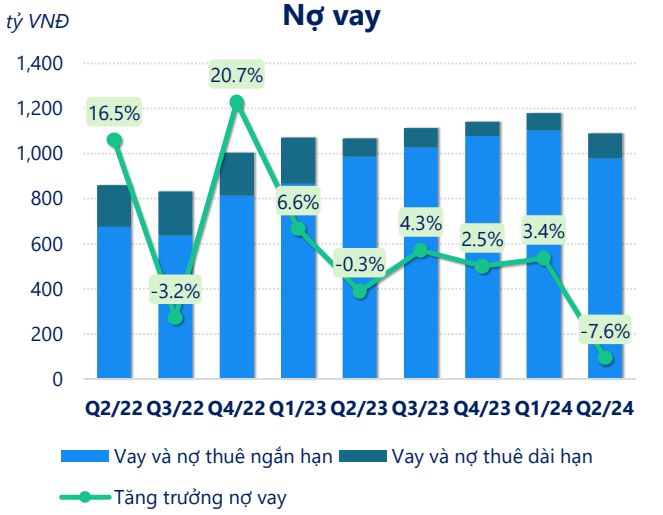
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



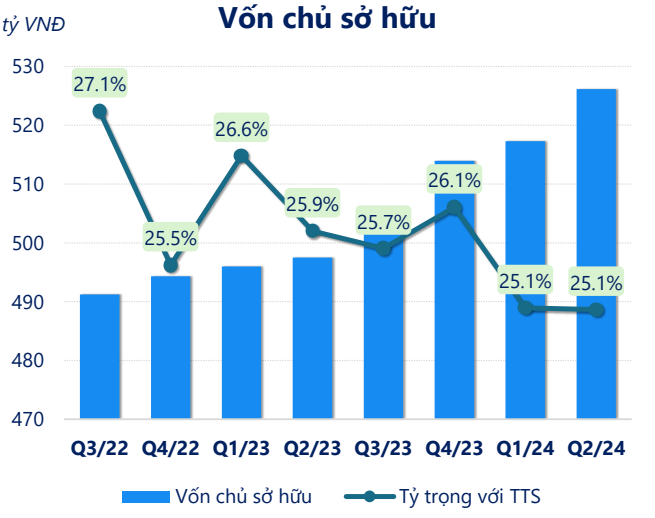
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



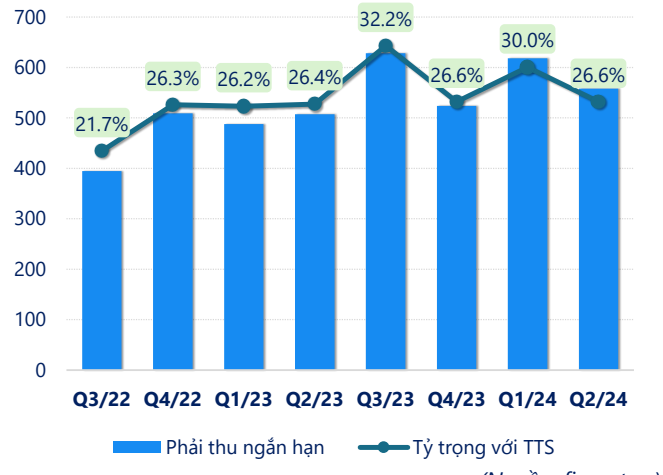
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



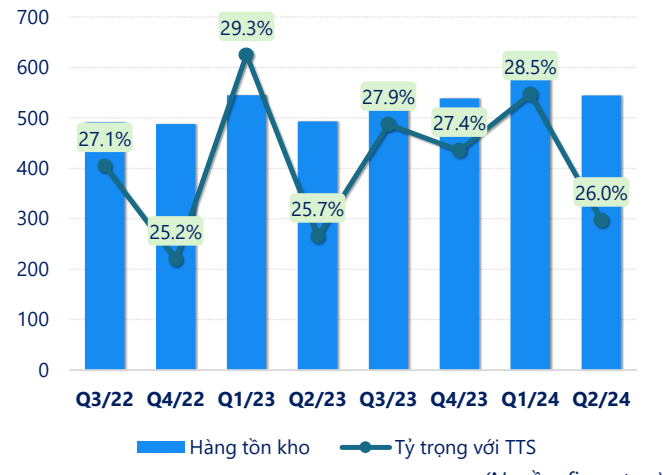
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



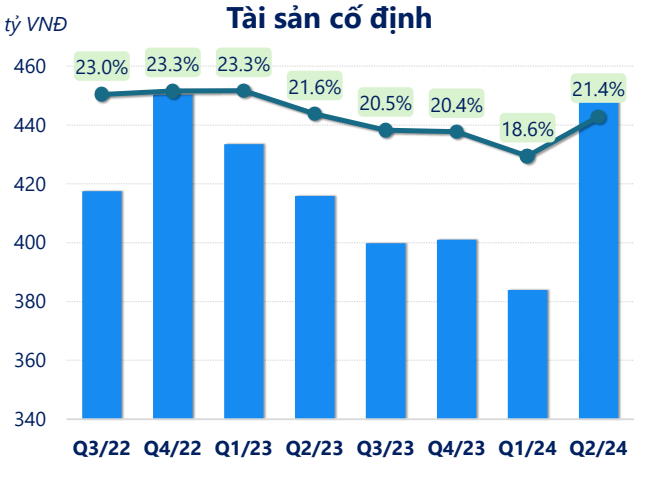
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



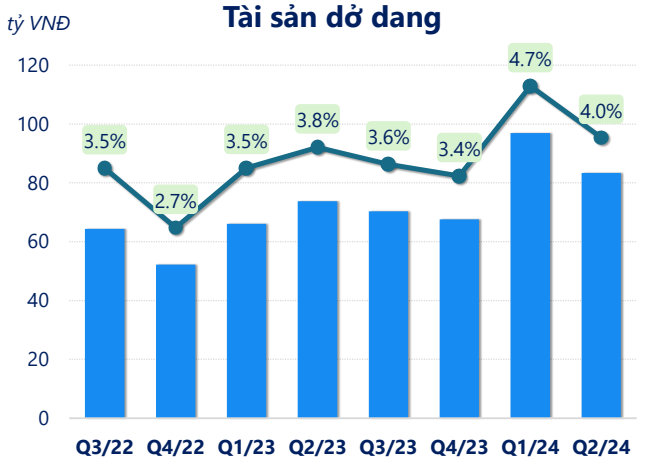
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



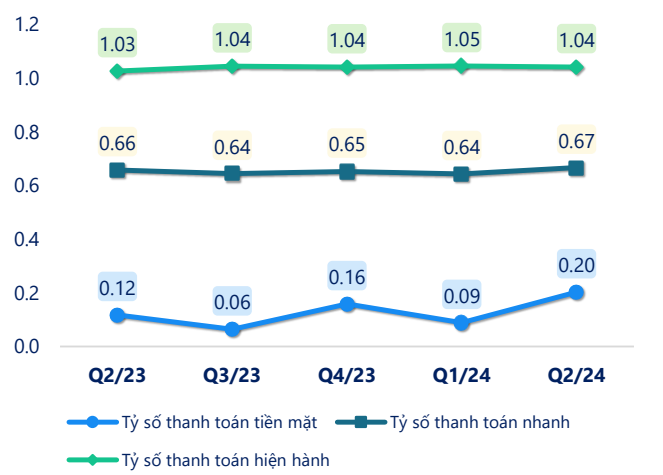
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



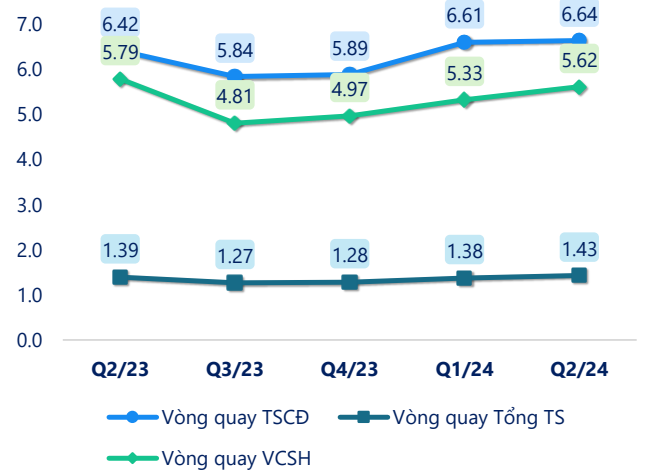
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**1,923**	**1,954**	**1,969**	**2,060**	**2,097**
Tài sản ngắn hạn	**1,373**	**1,421**	**1,442**	**1,525**	**1,513**
Tiền và tương đương tiền	158	87.4	220	129	295
Đầu tư tài chính ngắn hạn	188	142	150	159	89.4
Phải thu ngắn hạn	507	628	524	619	558
Hàng tồn kho	493	545	539	587	545
Tài sản ngắn hạn khác	26.5	18.3	9.97	31.4	26.7
Tài sản dài hạn	**550**	**533**	**527**	**536**	**584**
Phải thu dài hạn	20.2	23.6	17.7	18.7	19.9
Tài sản cố định	416	400	401	384	450
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	73.8	70.3	67.6	96.9	83.3
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	40.2	39.6	40.3	36.3	31.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,426**	**1,452**	**1,455**	**1,543**	**1,571**
Nợ ngắn hạn	**1,338**	**1,361**	**1,386**	**1,459**	**1,453**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	986	1,028	1,077	1,103	979
Phải trả người bán ngắn hạn	300	275	239	299	411
Nợ dài hạn	87.8	91.3	69.4	84.6	118
Vay và nợ thuê dài hạn	81.6	85.2	63.7	76.4	111
Nguồn vốn chủ sở hữu	**498**	**502**	**514**	**517**	**526**
Vốn chủ sở hữu	**498**	**502**	**514**	**517**	**526**
Vốn điều lệ	450	450	450	450	450
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)